

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH N**

Bản án số: 19/2021/HNGĐ - ST

Ngày 29/10/2021

(V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH N

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thiện Thành

Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Quốc Trị và ông Hà Xuân Ninh

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Hồng Mơ – Thư ký Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Lan – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2021/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 20/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/10/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc Á**, sinh năm 1995; địa chỉ xóm 4 T, xã G, huyện V, tỉnh N; Vắng mặt. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh **Bùi Xuân Tùng L**, sinh năm 1995; địa chỉ xóm 4 T, xã G, huyện V, tỉnh N; Vắng mặt.

Người làm chứng: Bà **Vũ Thị T**, sinh năm 1973; địa chỉ xóm 4 T, xã G, huyện V, tỉnh N; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 20 tháng 5 năm 2021, và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc Á trình bày: Giữa chị Nguyễn Thị Ngọc Á và bị đơn là anh Bùi Xuân Tùng L, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 12 năm 2019, tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện V, tỉnh N. Sau khi kết hôn hai người chung sống cùng nhau tại xóm 4 T, xã G, huyện V, tỉnh N. Chị Nguyễn Thị Ngọc Á và anh Bùi Xuân Tùng L chung sống hoà thuận, hạnh phúc được sáu tháng sau kết hôn

thì tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn có nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu do tính tình không hợp, kinh tế gia đình khó khăn, chị Á nghi ngờ anh L có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi, đánh nhau, không quan hệ với nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên nội, ngoại khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2021 cho tới nay. Chị Á thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Á đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Xuân Tùng L.

Về con chung chị Nguyễn Thị Ngọc Á trình bày: Vợ chồng chị có một con chung cháu là Bùi Hà M, sinh ngày 27/10/2020. Nếu được Tòa án chấp nhận cho ly hôn, chị Á đề nghị Tòa án giao con chung cho chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau ly hôn, chị không yêu cầu anh Bùi Xuân Tùng L phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về quan hệ tài sản và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc Á không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về phía bị đơn là anh Bùi Xuân Tùng L đã được Tòa án giao thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng cố tình vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Cho Nguyễn Thị Ngọc Á được ly hôn anh Bùi Xuân Tùng L;

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc Á tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Bùi Hà M, sinh ngày 27/10/2020, cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Bùi Xuân Tùng L không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc Á phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ngọc Á có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Xuân Tùng L; anh Bùi Xuân Tùng L có nơi cư trú tại xã G, huyện V, tỉnh N, đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Á có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Bùi Xuân Tùng L đã được Tòa án nhân dân huyện V triệu tập hợp lệ đến phiên Toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ngọc Á và anh Bùi Xuân Tùng L trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện V, tỉnh N vào ngày 04 tháng 12 năm 2019. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ, sau khi kết hôn hai người chung sống hoà thuận hạnh phúc được sáu tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, kinh tế gia đình khó khăn, chị Á nghi ngờ anh L có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi, đánh nhau, không quan hệ với nhau. Mặc dù vợ chồng đã được gia đình hai bên nội ngoại khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Theo thời gian, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, nặng nề, thực tế vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 4 năm 2021 đến nay, cũng từ đó hai người không quan tâm đến nhau, quan hệ vợ chồng chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Điều này phù hợp với bản tự khai của bà Vũ Thị T (là mẹ đẻ anh L) và phù hợp với đơn xin xác nhận ngày 24/8/2021 do chị Ánh giao nộp cho Tòa án, có xác nhận của UBND xã G. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện V đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh Bùi Xuân Tùng L cố tình vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện sự coi thường pháp luật, không còn thiện chí để tìm cách đoàn tụ vợ chồng, chứng tỏ quan hệ vợ chồng giữa chị Á và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc Á.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc Á và anh Bùi Xuân Tùng L có một con chung cháu là Bùi Hà M, sinh ngày 27/10/2020. Chị Á có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là quyền, đồng thời cũng là nghĩa vụ của cha mẹ. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy, chị Á và anh L có một con chung cháu dưới ba tuổi, chị Á làm Tư vấn viên của Bảo vệ trẻ em thị trấn Ninh Bình

công việc, thu nhập ổn định. Từ khi ly thân con chung đều do chị Á trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chị Á không yêu cầu anh Bùi Xuân Tùng L phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Trong thời gian trước đây và hiện tại cháu Bùi Hà M đều do chị Á là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và bảo đảm tốt về mọi mặt. Anh Bùi Xuân Tùng L không có lời khai, không có mặt tại phiên tòa, nên không có quan điểm của anh L về con chung. Quan điểm của chị Á đưa ra là tự nguyện, không trái pháp luật. Vì vậy, cần giao con chung Bùi Hà M cho chị Nguyễn Thị Ngọc Á là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn, điều này phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị Nguyễn Thị Ngọc Á không yêu cầu anh Bùi Xuân Tùng L cấp dưỡng nuôi con. Sau này nếu hai bên có tranh chấp về việc nuôi và cấp dưỡng nuôi con chung Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[4] Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc Á không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản chung, công nợ chung. Vì vậy, vấn đề tài sản chung và công nợ chung, Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị Nguyễn Thị Ngọc Á phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: 1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Ngọc Á và anh Bùi Xuân Tùng L được ly hôn;

2. Về con chung:

Giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc Á trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Bùi Hà M, sinh ngày 27/10/2020.

Thời hạn nuôi con tính từ ngày 29/10/2021 cho tới khi con chung đủ 18 tuổi, nếu không có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị Nguyễn Thị Ngọc Á không yêu cầu anh Bùi Xuân Tùng L cấp dưỡng nuôi con. Khi nào chị Á có yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc Á phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Được khấu trừ 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo biên lai số AA/2019/0000322 ngày 25/05/2021.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã G;
- Lưu Hồ sơ, văn phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thiện Thành